

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 369/2024/DS-PT

Ngày: 26 - 12 - 2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Oanh Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Ngụ Văn Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 312/2024/TLPT-DS ngày 30/10/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 333/2024/QĐ-PT, ngày 11/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 333/2024/QĐ-PT ngày 03/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Viết B.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: 11 Bà T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N;

Nơi cư trú: 3 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Viết B và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết với nhau và được bà Nguyễn Thị Bích N giới thiệu mình là người chuyên mua bán sầu siêng, nên ông B có đặt cọc cho bà Nguyễn Thị Bích N một số tiền để làm tin trong thời gian mua bán sầu riêng, cụ thể là: Vào ngày 30/8/2023, ông B có đặt cho bà N số tiền là 1.200.000.000 đồng để làm tin trong thời gian thu mua sầu riêng của bà N, thời điểm giao hẹn với nhau như trong Hợp đồng thỏa thuận thì bà N phải cung cấp cho ông B số lượng sầu riêng là: 100 tấn. Nếu bên B (bà N) nhập cho bên A (ông B) số lượng đủ 70 tấn thì lúc này ông B sẽ trừ dần tiền đặt cọc vào tiền nhập sầu riêng. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 30/08/2023 cho đến hết ngày 10/10/2023. Nếu ông Bằng K mua lại sầu riêng của bà N thì mất số tiền cọc đã đặt. Còn bà N mà không bán đủ số lượng sầu riêng đã đặt cho ông B là 100 tấn thì phải bồi thường gấp 03 lần số tiền mà ông B đã đặt cọc cho bà N.

Nhưng cho đến ngày 03/10/2023 thì bà N chỉ mới giao cho ông B số lượng khoảng 40 tấn và ông B đã thanh toán xong tiền đối với số hàng này và từ đó đến nay bà N không nhập tiếp sầu riêng cho ông B nữa, ông B đã rất nhiều lần liên lạc với bà N yêu cầu bà thực hiện đúng như trong hợp đồng đặt cọc. Nhưng từ đó đến nay bà N đã không nhập sầu riêng tiếp cho ông B nữa. Nhận thấy việc mua bán với bà N không thành, thể hiện rõ sự bội tín, lừa dối trong làm ăn của bà N đã làm ông B bị tổn thất rất lớn về kinh tế, cũng như mất uy tín với các Công ty bạn hàng mà ông B đã ký kết. Ông B và bà N có việc thỏa thuận về việc xử lý số tiền cọc trong thỏa thuận mua bán sầu riêng vào ngày 30/8/2023 là bà N có trách nhiệm trả 500.000.000 đồng, chia làm 02 lần, năm 2023 trả trước 250.000.000 đồng còn 250.000.000 đồng trả vào năm 2024, nhưng theo thỏa thuận thì năm 2023 bà N mới trả cho ông B có 150.000.000 đồng là đã vi phạm thỏa thuận nên ông B không đồng ý với thỏa thuận này nữa và giữ nguyên với yêu cầu khởi kiện. Việc thỏa thuận này là thỏa thuận bằng miệng với nhau mà không có lập văn bản gì.

Vì vậy, ông B đã làm đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích N. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Buon Ma Thuột thụ lý giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Bích N phải trả cho ông Vũ Viết B số tiền đã đặt cọc là: 1.200.000.000 đồng và khấu trừ số tiền 150.000.000 đồng bà N đã trả. Bà N còn phải trả cho ông B số tiền 1.050.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Trong thời gian mua bán tôi có nhận cọc của ông Vũ Viết B 1.200.000.000 đồng theo như hợp đồng đặt cọc. Trong thời gian giao hàng bên phía ông B bắt hàng không đúng quy cách gây thiệt hại cho bên tôi. Sau thời gian giao hàng trong thỏa thuận ông B đã khởi kiện tôi ra Tòa án. Tôi đã thỏa thuận và thống nhất là tôi trả lại

cho bên ông B là 500.000.000 đồng. Tôi có hẹn là năm 2023 trả trước 250.000.000 đồng còn 250.000.000 đồng trả vào năm 2024 và tôi đã trả cho ông B số tiền là 150.000.000 đồng và còn thiếu 100.000.000 đồng. Do công việc không ổn định chưa thể thu xếp trả nợ được. Nay tôi chỉ đồng ý trả cho ông B số tiền 500.000.000 đồng và khấu trừ số tiền 150.000.000 đồng đã đưa cho ông B. Tôi đồng ý trả tiếp cho ông B là 350.000.000 đồng. Tôi xin được trả dần hàng tháng cho ông B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 328, Điều 423, Điều 427 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Viết B.

Hủy bản thỏa thuận mua bán sầu riêng lập ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa ông Vũ Viết B và bà Nguyễn Thị Bích N.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn ông Vũ Viết B số tiền đã nhận cọc còn lại là 1.050.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/6/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ mà các bên đương sự giao nộp cùng các tài liệu khác thu thập có trong hồ sơ vụ án và được bổ sung làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị

Bích N. Do đó đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn ông Vũ Viết B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, ngày 30/8/2023 giữa ông B và bà N có việc thỏa thuận mua bán sầu riêng nội dung bản thỏa thuận được chính quyền địa phương chứng thực và ký xác nhận cùng ngày 30/8/2023, bà N cũng thừa nhận đã nhận của ông B số tiền 1.200.000.000 đồng. Theo như văn bản thỏa thuận mua bán sầu riêng được ký kết giữa ông B và bà N thì bà N phải cung cấp cho ông B số lượng 100 tấn sầu riêng. Trong đó 70 tấn loại A và 30 tấn loại B, và khi nào bà N nhập đủ số lượng 70 tấn thì ông B sẽ trừ dần vào số tiền đã đặc cọc và hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 30/08/2023 cho đến hết ngày 10/10/2023. Tuy nhiên, tính đến ngày 03/10/2023 thì bà N mới chỉ giao cho ông B số lượng 40 tấn sầu riêng và ông B đã thanh toán xong đối với số hàng này, bà N cũng không nhập tiếp số lượng sầu riêng nào cho ông B nữa, ông B đã rất nhiều lần liên lạc với bà N và yêu cầu bà Thực hiện đúng như trong hợp đồng đặc cọc nhưng bà N không thực hiện. Như vậy, bà N là người đã vi phạm thỏa thuận không giao đủ số lượng sầu riêng theo cam kết của văn bản thỏa thuận mua bán sầu riêng được ký kết giữa ông B và bà N vào ngày 30/8/2023 và là người có lỗi trong việc thực hiện thực hiện hợp đồng này.

[2.2] Việc bà N cho rằng giữa bà và ông B đã có thỏa thuận bằng miệng và không lập văn bản thống nhất là bà N trả lại cho ông B số tiền là 500.000.000 đồng. Bà N có hẹn là năm 2023 trả trước 250.000.000 đồng còn 250.000.000 đồng trả vào năm 2024. Tuy nhiên, bà N mới trả được cho ông B số tiền 150.000.000 đồng và còn thiếu 100.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng thừa nhận có sự thỏa thuận này nhưng vì bà N không thực hiện đúng như thỏa thuận nên ông B không đồng ý với thỏa thuận này nữa và ông B đồng ý khấu trừ số tiền bà N đã trả là 150.000.000 đồng vào số tiền 1.200.000.000 đồng bà N đã nhận. Nay ông B yêu cầu bà N trả số tiền 1.050.000.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3.3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N đã vi phạm văn bản thỏa thuận mua bán sầu riêng được ký kết giữa ông B và bà N lập ngày 30/8/2023 và lỗi không giao đủ số lượng sầu riêng theo cam kết của hợp đồng hoàn toàn thuộc về phía bị đơn bà N. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích và đưa ra căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Việt B, hủy bản thỏa thuận mua bán sầu riêng lập ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa ông Vũ Việt B và bà Nguyễn Thị Bích N. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn ông Vũ Việt B số tiền 1.050.000.000 đồng là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà N không cung cấp được chứng cứ nào mới. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N.

[3] Về quan hệ pháp luật: Như đã phân tích ở trên, hợp đồng được ký kết giữa ông B và bà N là hợp đồng mua bán tài sản, không phải là hợp đồng đặt cọc, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là hợp đồng đặt cọc và áp dụng các quy định về hợp đồng đặt cọc để giải quyết vụ án là không phù hợp, nên Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật và áp dụng các điều luật của hợp đồng mua bán tài sản để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sai sót này không làm thay đổi bản chất của vụ án, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa lại cho đúng và Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 43.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Vũ Việt Bằng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 52.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0004789 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 87/2024/DS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Các Điều 430, 437 và 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Việt B.

1. Tuyên hủy bản thỏa thuận mua bán sầu riêng lập ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa ông Vũ Việt B và bà Nguyễn Thị Bích N.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn ông Vũ Việt B số tiền là 1.050.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 43.500.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0013218, ngày 17/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP Buôn Ma Thuột;
- TAND TP Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung